

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/DS-ST

Ngày: 29-8-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Cúc Hoa
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 642/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2022/QĐXXST-DS ngày 25/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2022/QĐST-DS ngày 11/8/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H4, sinh năm 1972. Tên gọi khác: Trần Thị H4 (Có mặt);

Ông Lê Văn L4, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H3 trình bày:

Bà Trần Thị H4, ông Lê Văn L4 có mở dây hụi ngày 20/6/2019 (âl) hình thức tham gia góp hụi được thỏa thuận như sau: Loại hụi 2.000.000 đồng, kỳ mở

hội đầu tiên vào ngày 20/6/2019 àl, sau đó 01 tháng khai 01 lần, hình thức lĩnh hội là thành viên trong dây hội bỏ thăm cao nhất thì hốt, việc góp hội là sau khi đã mở hội thì đầu thảo đi gom tiền của hội viên sau đó giao tiền tại nhà hội viên được lĩnh hội. Mỗi người lĩnh hội thỏa thuận trả cho đầu thảo hưởng huê hồng số tiền 1.000.000 đồng/lần hốt. Trong dây này bà tham gia 01 phần lấy tên là “H3”, bà đóng hội sống đầy đủ từ lần khai thứ 01 đến lần khai thứ 21 và hốt ở lần khai thứ 22 sau khi đã trừ tiền huê hồng thì hốt được số tiền 44.000.000 đồng nhưng do trong dây này có Nguyễn Thị D1 (trong danh sách tên D1) tham gia 01 phần nên bà và bà D1 thống nhất bỏ không tính 01 phần này và trừ đầu thảo 1.000.000 đồng nên thực tế bà chỉ hốt được 41.000.000 đồng, bà H4 chỉ giao cho bà 20.000.000 đồng còn nợ lại 21.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông L4, bà H4 cùng có trách nhiệm trả tiếp cho bà số tiền 21.000.000 đồng.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 16/7/2022 bị đơn bà Trần Thị H4 thừa nhận có mở dây hội ngày 20/6/2019 (àl), loại hội 2.000.000 đồng do bà làm đầu thảo, theo lời trình bày của bà H3 là đúng về thời gian khai hội, sự thỏa thuận khi tham gia góp hội, số tiền huê hồng đầu thảo được hưởng, bà H3 tham gia 01 phần và đóng đầy đủ hội sống từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 21 và hốt ở lần khai thứ 22 được số tiền 41.000.000 đồng như bà H3 trình bày. Bà đã trả cho bà H3 tiền hội sống 20.000.000 đồng còn nợ lại hội sống 6.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà H3 số tiền 6.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Đối với ông Lê Văn L4 sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L4 không đến Tòa án tham gia tố tụng, do đó Tòa án lập biên bản vắng mặt bị đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H3 vẫn giữ nguyên yêu cầu bà Châu, ông L4 phải trả số tiền hội hốt được chưa giao 21.000.000 đồng. Không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Bị đơn bà H4 chỉ đồng ý trả tiếp tiền hội sống 6.000.000 đồng cho bà Hương, phần còn lại là lãi thì không đồng ý trả.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật. Tại phiên tòa ông Lê Văn L4 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt ông L4.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H3, buộc bà H4 và ông L4

phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H3 số tiền hui là 21.000.000 đồng. Về án phí: Buộc bà H4, ông L4 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H3 khởi kiện ông Lê Văn L4, bà Trần Thị H4 là đầu thảo hui phải trả số tiền hui sống đã đóng và phần lãi hui nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Bị đơn cư trú tại Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã đưa ông Lê Văn L4, bà Trần Thị H4 vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án. Ông L4 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa ông L4 vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L4.

[3] Về nội dung: Bà H3 yêu cầu bà H4, ông L4 phải có trách nhiệm giao trả tiền hui hốt được còn lại 21.000.000 đồng trong dây hui ngày 20/6/2019 (âl). Xét yêu cầu khởi kiện của bà H3 là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ: Quá trình giải quyết vụ án bà H4 thừa nhận bà H3 có tham gia dây hui này và đã góp hui đầy đủ từ lần khai thứ 1 đến lần khai thứ 21 đến lần khai thứ 22 bà H3 hốt hui được số tiền 41.000.000 đồng, bà có giao cho bà H3 số tiền hui là 20.000.000, số tiền còn lại chưa giao cho bà Hương. Xét thấy đây là tình tiết các bên thừa nhận, tại phiên tòa bà H4 cũng không phản đối mà thừa nhận lời trình bày và yêu cầu của bà H3 đưa ra đối với số tiền bà H3 lẽ ra được hốt hui ở lần khai thứ 22 sau khi trừ huê hồng là 41.000.000 đồng. Bà H4 đã giao cho bà H3 20.000.000 còn nợ lại 21.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà H4 cho rằng không gom được tiền hui của các hui viên khác nên bà xin trả tiền hui sống và chỉ đồng ý trả tiếp số tiền hui sống còn lại là 6.000.000 đồng cho bà Hương. Xét thấy lý do bà H4 nêu ra để không trả số tiền hốt hui còn lại là không có căn cứ để chấp nhận nên bà H4 phải có nghĩa vụ giao trả số tiền hốt hui còn lại là 21.000.000 đồng cho bà H3.

Đối với bị đơn ông Lê Văn L4 cho rằng ông không liên quan đến việc bà H4 và bà H3 chơi hui với nhau nên không đồng ý liên đới trả tiền cho bà H3 là không có căn cứ để chấp nhận. Ông L4 và bà H4 là vợ chồng đang trong thời kỳ hôn nhân việc bà H4 tổ chức chơi hui có tiền huê hồng là nhằm để chăm lo cho

cuộc sống gia đình. Căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bà Châu, ông L4 phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà H3 số tiền hội sống là 21.000.000 đồng. Bà H3 không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét thấy quan điểm đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Buộc bà H4, ông L4 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà H3 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147, 217, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ biên phườn; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H3.

2. Buộc bà Trần Thị H4, ông Lê Văn L4 phải có nghĩa vụ trả cho bà H3 số tiền hội là 21.000.000 đồng (trong đây hội ngày 20/6/2019 ải loại hội 2.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị H4, ông Lê Văn L4 phải chịu 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 525.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011406 ngày 10/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký